TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/2023/QĐST - DS	*TP. Trà Vinh, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1971

2. Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1989

3. Ông **Trần Quốc P**, sinh năm 1992

4. Bà **Trần Thị Thùy O**, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975 theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2022.

Địa chỉ: khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Lương Công N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Ngọc R**, sinh năm 1948

2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1949

Địa chỉ: số 22/11 khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp: ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975 theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022.

Địa chỉ: khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1970

4. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà **Nguyễn Thị Thanh Kim H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 45-47 đường số 16 phường a, quận b, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn do ông Nguyễn Thanh H làm đại diện, bị đơn ông Lương Công N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Kim H thống nhất thỏa thuận:

- Ông Lương Công N, bà Nguyễn Thị Thanh Kim H đồng ý chuyển giao cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc P, bà Trần Thị Thùy O quyền sử dụng đất diện tích 455.3m^2 thuộc một phần thửa 614, tờ bản đồ số 76, loại đất LUK, tọa lạc tại ấp H, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (phần A trong sơ đồ đo đạc kèm theo công văn số 1183/CNTPTV ngày 07/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Trà Vinh), phần đất có kích thước và tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 614, tờ bản đồ số 76 có kích thước 12,6m

+ Hướng Tây giáp thửa 73, tờ bản đồ số 76 có kích thước 13m

+ Hướng Nam giáp thửa 86, tờ bản đồ số 76 có kích thước 36,5m

+ Hướng Bắc giáp thửa 74, tờ bản đồ số 76 có kích thước 34,58m

- Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc P, bà Trần Thị Thùy O được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên theo quy định pháp luật và có nghĩa vụ làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Công N. Mọi chi phí phát sinh khi làm thủ tục về đất đai do bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc P, bà Trần Thị Thùy O chịu.

- Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí tố tụng trong vụ án là 2.026.000 đồng do các đồng nguyên đơn phải chịu, bị đơn ông Lương Công N không phải chịu chi phí này.

Hoàn trả cho các đồng nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 7.974.000 đồng nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng: Các đồng nguyên đơn phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai số 0013374 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Giáp Trà Giang